

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển toàn diện 20 xã điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng “Kinh tế phát triển - Xã hội văn minh - Quốc phòng, an ninh vững mạnh”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và tôn giáo giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 56/TTr-SDTTG ngày 29 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển toàn diện 20 xã điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng “Kinh tế phát triển - Xã hội văn minh - Quốc phòng, an ninh vững mạnh”.

Điều 2. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; hằng năm tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh theo quy định. UBND các xã điểm có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại địa phương; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Vk. 05b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Nhuận Byă

ĐỀ ÁN

Xây dựng và phát triển toàn diện 20 xã điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng “Kinh tế phát triển - Xã hội văn minh - Quốc phòng, an ninh vững mạnh”
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2648** /QĐ-UBND ngày **21**/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc;

Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và tôn giáo giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Cơ sở pháp lý

Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên”;

Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/5/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và tôn giáo giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương; các nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch và văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đắk Lắk có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, công tác dân tộc, xây dựng nông thôn mới, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Cơ sở thực tiễn

Sau khi thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 18.096,40 km², gồm 102 đơn vị hành chính cấp xã (88 xã, 14 phường), dân số trên 3,3 triệu người với 45 dân tộc cùng sinh sống; trong đó đồng bào dân tộc thiểu số khoảng 840 nghìn người, chiếm khoảng 25,4% dân số toàn tỉnh. Toàn tỉnh có 81 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm 16 xã khu vực I, 14 xã khu vực II, 51 xã khu vực III và 704 thôn đặc biệt khó khăn; có 22 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và 05 dân tộc có khó khăn đặc thù.

Không gian phát triển của tỉnh sau hợp nhất được mở rộng, tạo điều kiện tăng cường liên kết giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, phát huy lợi thế về nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, kinh tế cửa khẩu, kinh tế biển, logistics và các chuỗi giá trị liên vùng. Đây là nền tảng quan trọng để tái cơ cấu phát triển theo hướng xanh, bền vững, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đồng thời khai thác hiệu quả hơn tiềm năng của từng địa phương, từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Những năm qua, việc triển khai đồng bộ các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và các chương trình mục tiêu quốc gia đã tạo chuyển biến tích cực tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư; điều kiện sản xuất, giáo dục, y tế, văn hóa và an sinh xã hội tiếp tục được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo giảm qua từng năm; nhiều giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự phát triển giữa các địa phương chưa đồng đều; nhiều xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn chưa khai thác hiệu quả tiềm năng về đất đai, rừng, nông nghiệp, du lịch và bản sắc văn hóa. Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, liên kết theo chuỗi giá trị còn hạn chế; chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn chưa được nhân rộng. Chất lượng cảnh quan nông thôn, môi trường sống, hạ tầng văn hóa và không gian sinh hoạt cộng đồng ở một số địa bàn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế còn thiếu tính gắn kết.

Trong bối cảnh tỉnh bước vào giai đoạn phát triển mới sau sắp xếp đơn vị hành chính, yêu cầu phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không chỉ hướng đến nâng cao thu nhập mà còn phải xây dựng không gian sống văn minh, gìn giữ bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Thực tiễn đó là cơ sở để định hướng lựa chọn các xã có điều kiện đại diện cho từng vùng sinh thái, từng nhóm dân tộc và từng điều kiện phát triển nhằm xây dựng các mô hình điểm có tính toàn diện, tạo sức lan tỏa và khả năng nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Giai đoạn 2026 - 2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khi nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước chuyển dần từ mục tiêu giải quyết khó khăn trước mắt sang phát triển bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát huy nội lực của cộng đồng. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra không chỉ là tiếp tục đầu tư nguồn lực mà phải đổi mới phương thức tổ chức thực hiện, bảo đảm các nguồn lực được sử dụng tập trung, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và phát huy được hiệu quả một cách toàn diện.

Sau khi tỉnh Đắk Lắk được hợp nhất, quy mô phát triển, không gian kinh tế và yêu cầu quản trị địa phương có nhiều thay đổi. Điều này đòi hỏi phải hình thành những mô hình phát triển có tính đại diện, phù hợp với điều kiện sinh thái, kinh tế, văn hóa và xã hội của từng vùng, làm cơ sở tổng kết thực tiễn, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh. Việc lựa chọn xây dựng các xã điểm không chỉ nhằm tập trung nguồn lực đầu tư mà còn tạo động lực dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển của các địa phương lân cận.

Thực tiễn triển khai các chương trình, chính sách trong thời gian qua cho thấy, hiệu quả đầu tư chỉ bền vững khi gắn với sự thay đổi về nhận thức, ý thức tự lực, tự cường và sự tham gia chủ động của người dân. Vì vậy, yêu cầu của giai

đoạn mới là chuyển mạnh từ tư duy hỗ trợ sang tư duy kiến tạo phát triển; từ việc Nhà nước làm thay sang Nhà nước định hướng, hỗ trợ để người dân, cộng đồng, doanh nghiệp và hợp tác xã cùng tham gia phát triển. Đây là yếu tố quyết định để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, hạn chế đầu tư dàn trải và tạo động lực phát triển lâu dài.

Đề án được xây dựng nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời tạo ra mô hình phát triển mới, trong đó phát triển kinh tế gắn chặt với xây dựng xã hội văn minh, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Đây không chỉ là mô hình đầu tư phát triển mà còn là mô hình đổi mới phương thức quản trị ở cơ sở, phát huy vai trò chủ thể của người dân và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Đề án xác định phương châm lấy người dân làm trung tâm, lấy cộng đồng làm chủ thể, lấy phát triển kinh tế làm nền tảng, lấy xây dựng nếp sống văn minh làm động lực, lấy quốc phòng, an ninh làm điều kiện bảo đảm và lấy mục tiêu “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc” làm thước đo chất lượng phát triển. Mục tiêu của Đề án không chỉ dừng ở việc nâng cao thu nhập hay hoàn thiện kết cấu hạ tầng mà hướng đến xây dựng môi trường sống an toàn, cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp; hình thành nếp sống văn minh; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; xây dựng cộng đồng đoàn kết, kỷ cương, chủ động thích ứng với yêu cầu phát triển mới.

Việc triển khai Đề án sẽ tạo ra các mô hình xã điểm có khả năng kiểm chứng, đánh giá và tổng kết thực tiễn để từng bước hoàn thiện phương thức phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng nhanh, bền vững, toàn diện.

PHẦN II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC XÃ ĐIỂM VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC XÃ ĐIỂM

Hai mươi xã được lựa chọn thực hiện Đề án đều thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Đắk Lắk, phân bố trên nhiều khu vực với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thành phần dân tộc đa dạng, phản ánh tương đối đầy đủ đặc trưng phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

trên địa bàn tỉnh. Trong đó có các xã biên giới, xã có diện tích rừng lớn, xã vùng sâu, vùng xa, xã đang phát triển theo hướng nông nghiệp hàng hóa, xã có tiềm năng du lịch cộng đồng và các địa phương mang đậm bản sắc văn hóa của nhiều dân tộc.

Các xã điểm có quy mô dân số, cơ cấu dân cư, điều kiện phát triển và nguồn lực khác nhau nhưng đều có đặc điểm chung là đồng bào dân tộc thiểu số giữ vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của địa phương. Mỗi xã đều có những lợi thế riêng về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, truyền thống sản xuất, bản sắc văn hóa hoặc vị trí phát triển, đồng thời cũng tồn tại những khó khăn, thách thức đặc thù cần có giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế.

Việc lựa chọn 20 xã điểm được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tính đại diện theo vùng sinh thái, điều kiện phát triển, thành phần dân tộc, mức độ khó khăn và khả năng tạo sức lan tỏa. Danh mục các xã vừa bao quát các địa bàn còn nhiều khó khăn, vừa lựa chọn những địa phương có điều kiện phát huy lợi thế, tạo động lực phát triển, qua đó bảo đảm tính đa dạng trong tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả của Đề án.

Với đặc điểm đại diện cho nhiều mô hình phát triển khác nhau, 20 xã điểm là cơ sở để nghiên cứu, theo dõi, đánh giá hiệu quả của các giải pháp phát triển toàn diện trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kết quả triển khai tại các địa phương này sẽ cung cấp cơ sở thực tiễn phục vụ việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, phương thức tổ chức thực hiện và định hướng nhân rộng mô hình phù hợp trên phạm vi toàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ ĐIỂM

1. Thực trạng về nhận thức, nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số

Đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã điểm có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, gắn bó với thôn, buôn và luôn có ý thức gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Những năm qua, cùng với việc triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và các chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhận thức của đồng bào về phát triển kinh tế, giảm nghèo, học tập, chăm sóc sức khỏe, xây dựng đời sống văn hóa và tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở đã có nhiều chuyển biến tích cực. Ngày càng có nhiều hộ gia đình mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, từng bước nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống.

Tuy nhiên, ở một số địa phương, nhận thức, nếp nghĩ và cách làm của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn chậm đổi mới. Phương thức sản xuất

chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm, quy mô nhỏ lẻ, thiếu liên kết; việc ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và các mô hình sản xuất xanh còn hạn chế. Một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, làm giảm ý chí vươn lên, tính chủ động và khả năng khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển.

Vai trò chủ thể của người dân trong quá trình phát triển ở một số địa phương chưa được phát huy tương xứng. Việc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, các phong trào tại cơ sở còn thiếu tính chủ động; tinh thần tự quản, liên kết, hợp tác và huy động nội lực trong cộng đồng chưa cao. Điều đó ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các mục tiêu phát triển và tính bền vững của nhiều mô hình sau đầu tư.

Bên cạnh đó, nhiều tập quán trong sinh hoạt hằng ngày chậm được thay đổi. Nhiều hộ gia đình chưa quan tâm cải tạo nhà ở, vườn hộ, chuồng trại chăn nuôi và các công trình phụ trợ theo hướng bảo đảm vệ sinh, thân thiện với môi trường; việc phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt chưa được duy trì thường xuyên. Điều này làm cho môi trường sống ở một số thôn, buôn chưa thực sự xanh, sạch, ngăn nắp, văn minh, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và xây dựng nông thôn mới.

Thực tiễn trên cho thấy, đổi mới nhận thức, nếp nghĩ và cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số phải được xác định là khâu đột phá, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả triển khai Đề án. Khi khơi dậy được ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên và phát huy vai trò chủ thể của mỗi người dân trong phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc dân tộc, các nguồn lực đầu tư của Nhà nước và xã hội sẽ được phát huy hiệu quả, tạo nền tảng xây dựng các xã điểm phát triển theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp - văn minh - giàu bản sắc, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào một cách bền vững.

2. Thực trạng phát triển kinh tế

Kinh tế của các xã điểm chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và các hoạt động kinh tế gắn với tài nguyên, điều kiện tự nhiên và bản sắc văn hóa của địa phương. Nhiều xã có lợi thế phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu, chăn nuôi, kinh tế dưới tán rừng, nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và các ngành nghề truyền thống. Một số sản phẩm đặc trưng đã được công nhận đạt chuẩn OCOP, từng bước xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới đã góp phần cải

thiện điều kiện sản xuất, từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, phát triển một số mô hình liên kết giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp; đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm qua từng năm.

Tuy nhiên, kinh tế của các xã điểm vẫn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm; sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn ở quy mô nhỏ lẻ, manh mún; năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của nhiều sản phẩm chưa cao; việc ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, chuyển đổi số, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái và kinh tế tuần hoàn còn hạn chế. Liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thiếu bền vững; số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động hiệu quả còn ít; khả năng thu hút đầu tư ngoài ngân sách vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn hạn chế.

Bên cạnh đó, tiềm năng về đất đai, rừng, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa truyền thống và các sản phẩm đặc trưng của địa phương chưa được khai thác hiệu quả để phát triển kinh tế xanh, kinh tế dưới tán rừng, du lịch cộng đồng và các ngành kinh tế gắn với bảo tồn tài nguyên, môi trường. Việc xây dựng chuỗi giá trị, phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại, ứng dụng thương mại điện tử và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn, chưa tạo được động lực mạnh để nâng cao thu nhập và sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Những hạn chế nêu trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát huy lợi thế của từng địa phương, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và các mô hình sinh kế bền vững, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số và tạo nền tảng thực hiện mục tiêu “Kinh tế phát triển” của Đề án.

3. Thực trạng phát triển xã hội

Những năm qua, cùng với việc triển khai các chương trình, chính sách của Trung ương và của tỉnh, lĩnh vực phát triển xã hội tại các xã điểm đã đạt nhiều kết quả tích cực. Mạng lưới trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa, công trình cấp nước sinh hoạt và các công trình phục vụ dân sinh từng bước được đầu tư, nâng cấp; các chính sách về giảm nghèo, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai tương đối đồng bộ, góp phần cải thiện điều kiện sống và nâng cao mức hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

Chất lượng giáo dục và chăm sóc sức khỏe từng bước được nâng lên; công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục được quan tâm;

phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được duy trì. Hệ thống chính trị cơ sở từng bước được củng cố; cải cách hành chính, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương có chuyển biến tích cực, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong tiếp cận các dịch vụ hành chính công.

Tuy nhiên, mức độ phát triển xã hội giữa các xã điểm vẫn còn chênh lệch. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tỷ lệ lao động qua đào tạo, lao động có kỹ năng nghề và kỹ năng số còn thấp; cơ hội tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, nhất là lao động trẻ và lao động dân tộc thiểu số còn hạn chế. Việc tiếp cận giáo dục chất lượng, dịch vụ y tế chuyên sâu, thông tin, văn hóa và các tiện ích số ở một số địa bàn vùng sâu, vùng xa còn gặp khó khăn.

Bên cạnh đó, hiệu quả hoạt động của một số thiết chế văn hóa cơ sở chưa tương xứng với nhu cầu của người dân; việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển cộng đồng còn hạn chế. Chuyển đổi số trong đời sống xã hội diễn ra chưa đồng đều; hạ tầng số, kỹ năng số và khả năng tiếp cận các dịch vụ số của người dân còn nhiều khác biệt giữa các địa phương.

Nhìn chung, phát triển xã hội tại các xã điểm đã có nhiều chuyển biến nhưng vẫn cần tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu, phát triển văn hóa, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao chất lượng quản trị cơ sở, tạo nền tảng cho mục tiêu xây dựng “Xã hội văn minh” theo định hướng của Đề án.

4. Thực trạng bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn

Công tác bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn tại các xã điểm đã được quan tâm thông qua việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án đầu tư trên địa bàn. Một số công trình cấp nước sinh hoạt, hệ thống thu gom chất thải, công trình vệ sinh công cộng, cây xanh và các hạng mục chỉnh trang nông thôn được đầu tư, góp phần cải thiện điều kiện môi trường và diện mạo một số khu dân cư.

Tuy nhiên, môi trường tại nhiều xã điểm vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hệ thống thu gom, trung chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt còn thiếu hoặc chưa đồng bộ; tỷ lệ thu gom chất thải ở khu vực nông thôn còn thấp; công trình cấp nước sạch và nước hợp vệ sinh chưa bao phủ đồng đều. Nhiều địa phương chưa có các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; việc thu gom, xử lý chất thải trong chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp còn hạn chế, làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

Cảnh quan nông thôn ở nhiều xã chưa được quy hoạch và chỉnh trang theo hướng đồng bộ, hài hòa với điều kiện tự nhiên và bản sắc văn hóa địa

phương. Hệ thống cây xanh, đường hoa, điện chiếu sáng, biển chỉ dẫn, quảng trường nhỏ, điểm sinh hoạt cộng đồng và các không gian công cộng còn thiếu hoặc phân bố chưa hợp lý. Nhiều nhà sinh hoạt cộng đồng chưa được đầu tư theo kiến trúc truyền thống, chưa phát huy đầy đủ vai trò là không gian văn hóa và gắn kết cộng đồng.

Bên cạnh đó, tài nguyên rừng, nguồn nước và hệ sinh thái tại một số địa bàn tiếp tục chịu tác động của biến đổi khí hậu, hạn hán, mưa lớn và các hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt và chất lượng môi trường. Việc ứng dụng các giải pháp phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu còn ở quy mô nhỏ, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét.

Nhìn chung, môi trường và cảnh quan nông thôn tại các xã điểm đã có bước cải thiện nhưng chưa hình thành được diện mạo nông thôn đồng bộ, hiện đại và mang đậm bản sắc. Đây là lĩnh vực cần được ưu tiên đầu tư theo hướng hoàn thiện hạ tầng môi trường, xây dựng không gian sống chất lượng, bảo tồn cảnh quan tự nhiên và phát huy giá trị văn hóa trong tổ chức không gian nông thôn, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc” của Đề án.

5. Thực trạng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống

Hai mươi xã điểm là nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc thiểu số với hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, phản ánh bản sắc riêng của từng cộng đồng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống như tiếng nói, chữ viết, sử thi, dân ca, dân vũ, lễ hội, nhạc cụ dân tộc, nghề thủ công, tri thức bản địa, kiến trúc truyền thống, trang phục, ẩm thực và không gian văn hóa thôn, buôn vẫn được gìn giữ và lưu truyền qua nhiều thế hệ, tạo nên sự đa dạng văn hóa đặc sắc của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Lắk.

Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được các cấp, các ngành và cộng đồng quan tâm thực hiện. Nhiều lễ hội truyền thống được duy trì, phục dựng; các đội văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ văn hóa dân gian tiếp tục hoạt động; nhiều nghệ nhân tích cực truyền dạy các loại hình văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở từng bước được đầu tư; phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được duy trì, góp phần củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Tuy nhiên, trước tác động của quá trình đô thị hóa, hội nhập và giao lưu văn hóa, một số giá trị văn hóa truyền thống đang đứng trước nguy cơ mai một. Số lượng nghệ nhân am hiểu sâu về văn hóa truyền thống ngày càng giảm do tuổi

cao, trong khi lực lượng kế cận còn mỏng; việc truyền dạy trong gia đình và cộng đồng chưa được duy trì thường xuyên. Một số loại hình diễn xướng dân gian, nghề thủ công truyền thống, tri thức bản địa và tập quán văn hóa tốt đẹp dần ít được thực hành trong đời sống hằng ngày.

Việc bảo tồn không gian văn hóa truyền thống ở một số địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Một số thôn, buôn có sự thay đổi về kiến trúc và không gian cư trú; nhà sinh hoạt cộng đồng, các công trình văn hóa và điểm sinh hoạt chung chưa thể hiện rõ đặc trưng văn hóa của từng dân tộc. Hoạt động của các thiết chế văn hóa ở một số nơi còn thiếu tính thường xuyên; việc tổ chức sinh hoạt văn hóa cộng đồng chưa thật sự phong phú, chưa thu hút đông đảo người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên tham gia.

Công tác sưu tầm, kiểm kê, lưu giữ, số hóa và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống còn hạn chế; việc huy động nguồn lực xã hội cho bảo tồn văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý, nghệ nhân, cộng đồng và các tổ chức liên quan trong bảo tồn, truyền dạy và phát huy giá trị văn hóa chưa thật sự chặt chẽ; nhiều giá trị văn hóa đặc sắc chưa được nghiên cứu, tư liệu hóa và phát huy phù hợp với điều kiện phát triển hiện nay.

Những tồn tại trên cho thấy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống cần được thực hiện theo hướng lấy cộng đồng làm chủ thể, lấy gìn giữ bản sắc làm nền tảng để xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; đồng thời tăng cường bảo tồn không gian văn hóa, phát huy vai trò của nghệ nhân, khuyến khích thế hệ trẻ tham gia thực hành và kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống. Đây là yếu tố quan trọng góp phần xây dựng cộng đồng đoàn kết, gìn giữ bản sắc các dân tộc và hiện thực hóa mục tiêu “Văn minh - Bản sắc” của Đề án.

6. Thực trạng quốc phòng, an ninh

Các xã điểm đều là những địa bàn có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, nhiều xã nằm ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng giáp ranh, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và giữ vai trò quan trọng trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo trong tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả; nhiều mô hình tự quản về an ninh, trật tự được xây dựng và

nhân rộng. Công tác phối hợp giữa lực lượng Công an, Quân sự, Bộ đội Biên phòng (đối với địa bàn biên giới) và chính quyền cơ sở ngày càng chặt chẽ; công tác nắm tình hình, giải quyết các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở được quan tâm thực hiện, góp phần hạn chế các điểm nóng, không để phát sinh các vụ việc phức tạp kéo dài.

Tuy nhiên, tại một số địa phương vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có lúc, có nơi chưa thật sự hiệu quả; nhận thức pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế. Tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai, lâm nghiệp, môi trường, an toàn giao thông, tệ nạn xã hội và các tranh chấp, mâu thuẫn trong cộng đồng vẫn còn xảy ra ở một số địa bàn.

Bên cạnh đó, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, khiếu kiện và không gian mạng để tuyên truyền, xuyên tạc, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời. Việc xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và nền biên phòng toàn dân ở một số địa bàn cần tiếp tục được tăng cường; vai trò tự quản của cộng đồng trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh, trật tự và xây dựng đời sống văn minh chưa được phát huy đồng đều.

Những hạn chế trên đặt ra yêu cầu phải tiếp tục gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo và Nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng cộng đồng đoàn kết, an toàn, kỷ cương, tạo môi trường ổn định để thực hiện mục tiêu “Quốc phòng, an ninh vững mạnh” của Đề án.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua đánh giá thực trạng cho thấy, 20 xã được lựa chọn thực hiện Đề án đều là những địa bàn có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; có tiềm năng, lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, đất đai, rừng, cảnh quan sinh thái, bản sắc văn hóa và nguồn lực con người để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch cộng đồng, kinh tế dưới tán rừng và các ngành nghề truyền thống. Những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương và của tỉnh, hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện; công tác giảm nghèo, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, bảo tồn văn hóa, xây dựng hệ thống

chính trị cơ sở và bảo đảm quốc phòng, an ninh đạt nhiều kết quả tích cực, tạo nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Tuy nhiên, quá trình phát triển của các xã điểm vẫn còn nhiều hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, thiếu chuỗi liên kết bền vững từ sản xuất đến tiêu thụ. Việc ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh chưa tạo được đột phá. Kết cấu hạ tầng và cảnh quan nông thôn thiếu đồng bộ; công tác bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn minh chưa có chuyển biến rõ nét. Chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu; các giá trị văn hóa truyền thống đứng trước nguy cơ mai một và chưa được khai thác hiệu quả để phục vụ phát triển du lịch, nâng cao thu nhập cho người dân.

Đặc biệt, sự chuyển biến về nhận thức, nếp nghĩ và cách làm của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước vẫn tồn tại ở một số địa phương; vai trò chủ thể của người dân trong phát triển kinh tế, xây dựng cộng đồng, giữ gìn bản sắc và bảo đảm an ninh, trật tự chưa được phát huy đầy đủ. Đây là những điểm nghẽn cốt lõi, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư và tính bền vững của quá trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

Thực tiễn trên đặt ra yêu cầu phải đổi mới tư duy và phương thức phát triển theo hướng toàn diện, đồng bộ và bền vững; chuyển mạnh từ tư duy hỗ trợ sang phát huy nội lực, từ đầu tư theo từng lĩnh vực sang phát triển tích hợp, từ chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng sang đồng thời xây dựng con người, cộng đồng và môi trường sống. Trong đó, thay đổi nhận thức, nếp nghĩ và cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số là yếu tố căn cơ và nền tảng; phát huy vai trò chủ thể của người dân; huy động sự tham gia của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức chính trị - xã hội được xác định là khâu đột phá, tạo động lực cho sự phát triển bền vững.

Đây là cơ sở để xây dựng và triển khai Đề án theo định hướng “Kinh tế phát triển - Xã hội văn minh - Quốc phòng, an ninh vững mạnh”, lấy người dân làm trung tâm, cộng đồng làm nền tảng, phát triển kinh tế làm động lực, văn hóa làm nền tảng tinh thần, bảo vệ môi trường là yêu cầu xuyên suốt và bảo đảm quốc phòng, an ninh là điều kiện quan trọng. Thông qua Đề án, tỉnh Đắk Lắk phấn đấu xây dựng thành công các xã điểm trở thành những mô hình phát triển tiêu biểu với diện mạo “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc”, tạo hiệu ứng lan tỏa để từng bước nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH XÃ ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG MÔ HÌNH XÃ ĐIỂM

1. Quán triệt chủ trương của Đảng về công tác dân tộc và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Xây dựng và phát triển mô hình xã điểm phải cụ thể hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm thống nhất với Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình mục tiêu quốc gia. Việc triển khai Đề án phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, phát huy lợi thế, tiềm năng của từng vùng, từng dân tộc; bảo đảm phát triển nhanh nhưng bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc và củng cố quốc phòng, an ninh.

2. Lấy đồng bào dân tộc thiểu số làm chủ thể, thay đổi nhận thức, nếp nghĩ và cách làm là khâu đột phá

Đồng bào dân tộc thiểu số là chủ thể của quá trình phát triển, đồng thời là đối tượng trực tiếp thụ hưởng thành quả của Đề án. Lấy sự thay đổi nhận thức, nếp nghĩ, cách làm và hành động của người dân làm nền tảng, tạo động lực thúc đẩy phát triển bền vững; khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, ý chí vươn lên và khát vọng phát triển của mỗi người dân, mỗi cộng đồng. Phát huy vai trò của cộng đồng thôn, buôn; già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo trong tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận xã hội và lan tỏa các phong trào thi đua. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, định hướng và hỗ trợ; người dân chủ động tham gia, đồng hành, hưởng lợi và có trách nhiệm trong toàn bộ quá trình phát triển.

3. Phát triển toàn diện, đồng bộ theo định hướng “Kinh tế phát triển - Xã hội văn minh - Quốc phòng, an ninh vững mạnh”

Xây dựng mô hình xã điểm theo hướng phát triển toàn diện, đồng bộ và bền vững, lấy phát triển kinh tế làm nền tảng, phát triển con người làm trung tâm và bảo đảm quốc phòng, an ninh làm điều kiện tiên quyết. Tập trung phát triển kinh tế xanh, kinh tế nông nghiệp hiện đại gắn với lợi thế địa phương; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội và chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và xã hội số; chủ động bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc và xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh. Lấy chất lượng cuộc sống, mức độ hài lòng của Nhân dân và sự phát triển bền vững của cộng đồng làm thước đo

hiệu quả của Đề án, hướng tới xây dựng xã điểm có môi trường sống “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc”.

4. Đầu tư tập trung, đồng bộ; huy động sức mạnh tổng hợp để xây dựng mô hình có sức lan tỏa

Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm đồng bộ giữa phát triển kết cấu hạ tầng với phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi số, xây dựng đời sống văn hóa và củng cố hệ thống chính trị cơ sở. Thực hiện lồng ghép, phối hợp hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách trên cùng địa bàn; huy động tối đa nguồn lực từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư theo phương châm “Nhà nước kiến tạo, định hướng và hỗ trợ; doanh nghiệp đồng hành; Nhân dân là chủ thể thực hiện”. Xây dựng thành công mô hình xã điểm có tính điển hình, có khả năng tổng kết, đánh giá, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh, góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn mới.

II. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH XÃ ĐIỂM

Đến năm 2030, xã điểm hình thành diện mạo nông thôn “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc”, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, môi trường sống an toàn, cảnh quan khang trang, kinh tế phát triển bền vững, bản sắc văn hóa các dân tộc được gìn giữ và phát huy, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao; đồng thời trở thành mô hình tiêu biểu để tổng kết thực tiễn, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

1. Kinh tế phát triển, sinh kế bền vững

Xã điểm có cơ cấu kinh tế phát triển phù hợp với điều kiện tự nhiên, tiềm năng và lợi thế của từng địa phương. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển và phục vụ Nhân dân. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế xanh, kinh tế dưới tán rừng, sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Kinh tế tập thể, hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ sản xuất liên kết chặt chẽ, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững. Các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và sản phẩm văn hóa địa phương từng bước xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường.

2. Xã hội văn minh, hạ tầng đồng bộ, quản trị hiện đại

Người dân được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, an sinh xã hội và các tiện ích thiết yếu. Chính quyền cơ sở hoạt động công

khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả; chuyển đổi số được triển khai sâu rộng trong quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và các hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng quản trị địa phương và chất lượng cuộc sống của người dân.

3. Môi trường sống “Xanh - Sạch - Đẹp”

Không gian nông thôn được quy hoạch, chỉnh trang đồng bộ; khu dân cư, nhà ở, sân vườn, công trình phụ trợ và chuồng trại được bố trí khoa học, bảo đảm vệ sinh, mỹ quan và thân thiện với môi trường. Hệ thống cây xanh, đường hoa, tuyến đường kiểu mẫu, công trình công cộng và thiết chế văn hóa được đầu tư phù hợp với điều kiện từng địa phương. Chất thải được thu gom, xử lý theo quy định; nguồn nước, tài nguyên thiên nhiên và rừng được bảo vệ; ý thức bảo vệ môi trường trở thành nếp sống thường xuyên của mỗi gia đình và cộng đồng dân cư.

4. Bản sắc văn hóa được gìn giữ và phát huy

Không gian văn hóa thôn, buôn được bảo tồn gắn với phát triển cộng đồng; các thiết chế văn hóa được đầu tư, khai thác hiệu quả, bảo đảm phù hợp với truyền thống và bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn. Các giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, nghệ thuật dân gian, nghề thủ công, tri thức dân gian, tiếng nói và chữ viết của các dân tộc được bảo tồn, truyền dạy và phát huy trong đời sống hiện đại; đồng thời trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ giáo dục truyền thống, phát triển du lịch cộng đồng, công nghiệp văn hóa và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

5. Quốc phòng, an ninh vững mạnh, hệ thống chính trị cơ sở hoạt động hiệu lực, hiệu quả

An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc. Hệ thống chính trị cơ sở hoạt động tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân và phục vụ Nhân dân. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường; phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa và xây dựng địa bàn an toàn, ổn định, phát triển bền vững.

III. CÁC TIÊU CHÍ PHÂN ĐÁU ĐẾN NĂM 2030

1. Nhóm tiêu chí về thay đổi nhận thức, nếp nghĩ và cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số

100% thôn, buôn xây dựng và duy trì hiệu quả mô hình “Buôn xanh - sạch - đẹp - văn minh - bản sắc”.

100% thôn, buôn có quy ước, hương ước được thực hiện hiệu quả về xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa.

100% hộ gia đình thực hiện tốt nếp sống văn minh; giữ gìn nhà ở, sân, vườn và khuôn viên sạch, đẹp.

100% hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh, bố trí tách biệt với nhà ở và có biện pháp xử lý chất thải.

Cơ bản xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, xã hội, sức khỏe cộng đồng và xây dựng đời sống văn minh; phát huy, tôn vinh các giá trị truyền thống tốt đẹp.

2. Nhóm tiêu chí về phát triển kinh tế và sinh kế bền vững

Thu nhập bình quân đầu người đạt mức cao hơn bình quân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

Có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế xanh hoặc kinh tế tuần hoàn hoạt động hiệu quả.

Có ít nhất 01 chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gắn với lợi thế của địa phương.

Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP hoặc sản phẩm đặc trưng được xây dựng thương hiệu hoặc mở rộng thị trường tiêu thụ.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bền vững theo hàng năm; không để phát sinh hộ tái nghèo.

3. Nhóm tiêu chí về xã hội văn minh, quản trị hiện đại

100% người dân được tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa và dịch vụ số thiết yếu.

100% hộ dân được sử dụng điện an toàn.

100% cơ quan hành chính cấp xã thực hiện hiệu quả chuyển đổi số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

100% người dân đủ điều kiện được tiếp cận và thụ hưởng đầy đủ các chính sách an sinh xã hội theo quy định.

95% người dân hài lòng đối với sự phục vụ của chính quyền.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt từ 98,7% trở lên; từng bước nâng tỷ lệ sử dụng nước sạch phù hợp với điều kiện địa phương.

4. Nhóm tiêu chí về bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn

100% hộ gia đình thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt đúng quy định; từng bước thực hiện phân loại rác tại nguồn.

100% khu dân cư trung tâm xã được tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt.

100% tuyến đường trục xã, liên thôn và nội buôn được vệ sinh thường xuyên, trồng cây xanh hoặc cây hoa phù hợp với điều kiện thực tế.

100% công trình công cộng, trường học, trạm y tế và cơ quan hành chính đạt tiêu chí “Xanh - Sạch - Đẹp”.

Có ít nhất 01 tuyến đường hoặc 01 khu dân cư kiểu mẫu “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc”.

5. Nhóm tiêu chí về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa

100% nhà sinh hoạt cộng đồng được chỉnh trang, bố trí không gian phù hợp với bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư.

100% thiết chế văn hóa cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Có ít nhất 01 mô hình văn hóa truyền thống thành sản phẩm hàng hóa.

Có ít nhất 01 sản phẩm du lịch cộng đồng hoặc sản phẩm văn hóa đặc trưng được khai thác, phát huy hiệu quả.

Trên 95% hộ gia đình là Gia đình văn hóa; trên 90% thôn, buôn đạt danh hiệu Thôn, buôn văn hóa.

6. Nhóm tiêu chí về quốc phòng, an ninh và hệ thống chính trị

Xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; không để phát sinh điểm nóng, vụ việc phức tạp kéo dài.

Xã đạt tiêu chí “địa bàn không ma túy”.

Hệ thống chính trị cơ sở hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

PHẦN IV

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

I. THAY ĐỔI NHẬN THỨC, NẾP NGHĨ, CÁCH LÀM CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CÓ UY

TÍN, CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC TÔN GIÁO VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG CÁC XÃ ĐIỂM “XANH - SẠCH - ĐẸP - VĂN MINH - BẢN SẮC”

1. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ thực hiện, phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng của từng dân tộc và từng địa bàn; kết hợp giữa tuyên truyền, hướng dẫn, đối thoại, nêu gương và xây dựng các mô hình thực tiễn để người dân học tập, làm theo. Chú trọng khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên, tinh thần chủ động phát triển kinh tế, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

2. Phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo và cộng đồng

Phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo trong tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; giữ gìn an ninh, trật tự; bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa; phát triển kinh tế và tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Khuyến khích các tổ chức tôn giáo tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và các phong trào thi đua yêu nước.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người có uy tín, già làng, trưởng thôn, trưởng buôn và các lực lượng tham gia triển khai Đề án; tập trung vào kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển sản xuất, sinh kế, kinh tế cộng đồng; nâng cao năng lực quản lý, điều hành và huy động sự tham gia của cộng đồng trong xây dựng, phát triển các xã điểm.

3. Xây dựng nếp sống “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc” trong từng hộ gia đình.

Vận động mỗi hộ gia đình thực hiện tốt việc giữ gìn nhà ở, sân, vườn, khuôn viên sạch đẹp; xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, bố trí tách biệt với nhà ở; sử dụng nước hợp vệ sinh; thu gom, phân loại và xử lý rác thải đúng quy định; bảo vệ nguồn nước, cảnh quan và môi trường sinh thái; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng.

Xây dựng và duy trì hiệu quả mô hình “Buôn xanh - sạch - đẹp - văn minh - bản sắc”; xây dựng các tuyến đường điểm xanh - sạch - đẹp; trồng cây xanh,

đường hoa; chỉnh trang cảnh quan thôn, buôn; xây dựng các khu dân cư kiểu mẫu phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

4. Xây dựng không gian văn hóa cộng đồng mang đậm bản sắc dân tộc

Chỉnh trang, nâng cao hiệu quả sử dụng nhà sinh hoạt cộng đồng; xây dựng không gian sinh hoạt văn hóa gắn với bản sắc của dân tộc có số dân đông nhất trên địa bàn; bố trí, trưng bày hiện vật, hình ảnh, nhạc cụ truyền thống, nghề thủ công, trang phục và các giá trị văn hóa tiêu biểu của cộng đồng; đồng thời tôn trọng, giới thiệu bản sắc văn hóa của các dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, góp phần xây dựng môi trường văn hóa đoàn kết, đa dạng và giàu bản sắc.

Tổ chức các buổi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tạo môi trường và không gian văn hóa cho người đồng bào dân tộc thiểu số phục dựng và bảo tồn văn hóa truyền thống, đồng thời bài trừ các hủ tục lạc hậu.

5. Xây dựng và nhân rộng các mô hình cộng đồng tự quản

Tiếp tục xây dựng, củng cố và nhân rộng các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường, an ninh, trật tự, hòa giải ở cơ sở, tổ liên gia và các mô hình cộng đồng khác; phát huy vai trò của các đoàn thể trong tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện các tiêu chí của Đề án; khuyến khích mô hình tự quản trong cộng đồng; chủ động tham gia quản lý, giữ gìn cảnh quan và môi trường sống.

6. Đẩy mạnh các phong trào thi đua và cơ chế khuyến khích

Lồng ghép việc thực hiện Đề án với các phong trào, cuộc vận động như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Ngày Chủ nhật xanh”, các phong trào bảo vệ môi trường và xây dựng khu dân cư văn hóa. Đưa kết quả thực hiện các tiêu chí “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc” vào nội dung bình xét gia đình văn hóa, thôn, buôn văn hóa và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương; tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân, hộ gia đình, thôn, buôn, người có uy tín và chức sắc, chức việc tôn giáo có thành tích tiêu biểu. Gắn với trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị và các địa phương.

II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH, BỀN VỮNG GẮN VỚI KHAI THÁC HIỆU QUẢ TIỀM NĂNG, LỢI THẾ CỦA TỪNG ĐỊA PHƯƠNG

1. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh, hiện đại và bền vững

Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số; hình thành các vùng sản xuất tập trung đối

với cây trồng, vật nuôi chủ lực phù hợp với điều kiện của từng địa phương; mở rộng áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao; áp dụng các giải pháp tưới tiết kiệm, sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học và các kỹ thuật canh tác bền vững.

2. Phát triển kinh tế lâm nghiệp và kinh tế dưới tán rừng

Khai thác hợp lý tiềm năng đất lâm nghiệp và tài nguyên rừng gắn với quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; phát triển các mô hình kinh tế dưới tán rừng, trồng dược liệu, cây bản địa, chăn nuôi, thu hái lâm sản ngoài gỗ và các mô hình sinh kế phù hợp theo quy định của pháp luật. Gắn bảo vệ rừng với tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và cộng đồng địa phương; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước và an ninh sinh thái.

3. Phát triển kinh tế tuần hoàn và sử dụng hiệu quả tài nguyên

Khuyến khích áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất và đời sống; tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi để sản xuất phân bón hữu cơ, năng lượng sinh học và các sản phẩm có giá trị gia tăng; thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và hạn chế ô nhiễm môi trường.

4. Phát triển kinh tế tập thể, liên kết sản xuất và thị trường tiêu thụ

Tăng cường liên kết giữa người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng vùng nguyên liệu ổn định; phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường tiêu thụ. Quan tâm phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số, sản phẩm làng nghề truyền thống và các sản phẩm chế biến từ nông, lâm sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh.

5. Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa và tài nguyên thiên nhiên

Khai thác hiệu quả tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, không gian văn hóa thôn, buôn, lễ hội truyền thống, nghề thủ công, tri thức bản địa và các giá trị văn hóa đặc sắc để phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và du lịch trải nghiệm. Gắn phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế

Ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu về vùng nguyên liệu, sản phẩm đặc trưng và thị trường; hỗ trợ người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tiếp cận thương mại điện tử, nền tảng số và các giải pháp quản trị hiện đại, từng bước hình thành kinh tế số ở khu vực nông thôn.

7. Xây dựng mô hình phát triển kinh tế xanh tiêu biểu

Lồng ghép các chương trình, dự án và huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư xây dựng tại mỗi xã điểm ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế xanh tiêu biểu, gắn với lợi thế đặc thù của địa phương, bảo đảm hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường; tổ chức tổng kết, đánh giá, hoàn thiện mô hình để nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh sau khi kết thúc Đề án.

III. PHÁT TRIỂN XÃ HỘI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN “XANH - SẠCH - ĐẸP - VĂN MINH - BẢO SẮC”

1. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, thiết chế văn hóa, hạ tầng số và các công trình phục vụ dân sinh theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quy hoạch và điều kiện của từng địa phương; ưu tiên đầu tư các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của người dân.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số; duy trì sĩ số học sinh, giảm tỷ lệ bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động và lợi thế của từng địa phương; hỗ trợ khởi nghiệp, tạo việc làm, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và kỹ năng số cho người lao động.

3. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội

Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế cơ sở; tăng cường công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chăm lo đời sống hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế; bảo đảm người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng xã hội số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và đời sống xã hội; phát triển hạ tầng số, nâng cao năng lực số của cán bộ cơ sở và kỹ năng số cho người dân; mở rộng việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh, học tập và tiếp cận thông tin.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch và phục vụ Nhân dân; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của người dân đối với hoạt động của chính quyền.

6. Xây dựng nếp sống văn minh và phát triển cộng đồng

Đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ trong cộng đồng; thực hiện tốt quy ước, hương ước của thôn, buôn; xây dựng gia đình văn hóa, thôn, buôn văn hóa; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng môi trường sống văn minh, an toàn, góp phần hình thành nếp sống mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XÂY DỰNG CẢNH QUAN NÔNG THÔN “XANH - SẠCH - ĐẸP” GẮN VỚI THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ môi trường nông thôn

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường tại khu dân cư, khu sản xuất, cơ sở chăn nuôi và các công trình công cộng. Thực hiện tốt việc thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi và chất thải sản xuất theo quy định; hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần, góp phần xây dựng môi trường sống an toàn và bền vững.

2. Xây dựng cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp

Tổ chức chỉnh trang khu dân cư, đường buôn, ngõ xóm, khuôn viên các cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà sinh hoạt cộng đồng và các công trình công cộng theo hướng sáng, xanh, sạch, đẹp. Phát động phong trào trồng cây xanh, trồng hoa, xây dựng các tuyến đường kiểu mẫu, hàng rào xanh, vườn mẫu phù hợp với điều kiện của từng địa phương; duy trì thường xuyên các hoạt động vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan nông thôn khang trang, thân thiện và hấp dẫn.

3. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác; tăng cường bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, hệ thống sông, suối, hồ chứa và các khu vực có giá trị sinh thái. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi gây ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên trái pháp luật; bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái và nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

4. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai

Lồng ghép các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch đô thị và nông thôn, đầu tư xây dựng; nâng cao năng lực dự báo, phòng ngừa và ứng phó với thiên tai; củng cố các công trình phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn cho người dân và cơ sở hạ tầng. Khuyến khích áp dụng các mô hình sản xuất thích ứng với điều kiện khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển theo hướng tăng trưởng xanh.

5. Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường

Xây dựng và nhân rộng các mô hình cộng đồng tự quản về bảo vệ môi trường; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo trong tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn. Gắn việc thực hiện các tiêu chí về môi trường với bình xét gia đình văn hóa, thôn, buôn văn hóa và các phong trào thi đua tại địa phương.

V. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC

1. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc

Tổ chức bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc thiểu số như tiếng nói, chữ viết, sử thi, dân ca, dân vũ, nhạc cụ truyền thống, lễ hội, nghề thủ công, trang phục, ẩm thực, tri thức bản địa, kiến trúc truyền thống và các loại hình văn hóa dân gian khác. Khuyến khích cộng đồng chủ động gìn giữ, thực hành và truyền dạy các giá trị văn hóa trong đời sống hằng ngày, gắn bảo tồn văn hóa với xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

2. Bảo tồn không gian văn hóa và các thiết chế văn hóa cộng đồng

Quan tâm đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa, không gian sinh hoạt chung và các thiết chế văn hóa tại thôn, buôn theo hướng khang trang, sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hội họp, tổ chức lễ hội và các hoạt động văn hóa của cộng đồng. Việc bố trí kiến trúc, hình ảnh, hiện vật, nhạc cụ truyền thống và các yếu tố trang trí cần thể hiện bản sắc văn hóa của dân

tộc có số dân đông nhất sinh sống trên địa bàn, đồng thời tôn trọng và giới thiệu những giá trị văn hóa của các dân tộc khác cùng cư trú.

3. Bảo tồn nghề truyền thống, tri thức bản địa và di sản văn hóa phi vật thể

Khuyến khích gìn giữ và phát triển các nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian, kinh nghiệm sản xuất, y học cổ truyền, nghệ thuật diễn xướng dân gian và các giá trị văn hóa phi vật thể đặc trưng của từng dân tộc. Tăng cường công tác kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa và lưu giữ các di sản văn hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác bảo tồn, nghiên cứu và giáo dục truyền thống.

4. Phát huy vai trò của nghệ nhân, già làng, trưởng buôn, người có uy tín trong bảo tồn văn hóa

Quan tâm thực hiện các chính sách tôn vinh, động viên nghệ nhân, già làng, trưởng buôn, người có uy tín và những cá nhân am hiểu văn hóa truyền thống tham gia truyền dạy, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Khuyến khích các nghệ nhân phối hợp với nhà trường, các thiết chế văn hóa và tổ chức đoàn thể để truyền dạy văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ; góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa và bồi dưỡng niềm tự hào dân tộc.

5. Xây dựng môi trường văn hóa và đời sống văn hóa ở cơ sở

Tiếp tục thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng gia đình văn hóa, thôn, buôn văn hóa; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng; từng bước xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan và các hành vi trái với thuần phong, mỹ tục. Phát huy các giá trị đạo đức truyền thống, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn và giàu bản sắc trong cộng đồng.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và xã hội hóa trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa

Đẩy mạnh số hóa di sản văn hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu về văn hóa các dân tộc; ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng số trong lưu trữ, giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống. Huy động các nguồn lực hợp pháp, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa; tăng cường hợp tác, giao lưu văn hóa giữa các địa phương nhằm lan tỏa những giá trị tốt đẹp của văn hóa các dân tộc tỉnh Đắk Lắk.

VI. Củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

1. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ là người dân tộc thiểu số, có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và mức độ hài lòng của người dân đối với chính quyền cơ sở.

2. Củng cố quốc phòng toàn dân, bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng thể trận lòng dân vững chắc

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và thể trận biên phòng toàn dân đối với các địa bàn biên giới. Nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời phát hiện, xử lý các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng về an ninh, trật tự. Tăng cường phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; đấu tranh với các hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

3. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận theo hướng gần dân, sát dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường đối thoại, kịp thời giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của người dân ngay từ cơ sở. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và điều kiện của từng địa phương; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh, phòng, chống các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật.

Phát huy hiệu quả hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở, các mô hình tự quản về an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, phòng, chống tội phạm và các mô hình cộng đồng tự quản khác; xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, đồng thuận, chấp hành pháp luật và tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước.

4. Tăng cường phối hợp và huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện

Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong triển khai thực hiện Đề án. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội để thực hiện các mục tiêu của Đề án.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với thực hiện Đề án; thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, hộ gia đình, thôn, buôn, xã, phường, thị trấn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo và các tổ chức có thành tích xuất sắc, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong xây dựng các xã điểm phát triển toàn diện theo định hướng “Kinh tế phát triển - Xã hội văn minh - Quốc phòng, an ninh vững mạnh”.

PHẦN V

NGUỒN LỰC VÀ CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

1. Nhu cầu nguồn lực thực hiện Đề án

Để thực hiện mục tiêu xây dựng 20 xã điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo định hướng “Kinh tế phát triển - Xã hội văn minh - Quốc phòng, an ninh vững mạnh”, hướng tới hình thành các mô hình phát triển “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc” trong giai đoạn 2026 - 2030, tổng nhu cầu nguồn lực thực hiện Đề án dự kiến khoảng 5.000 tỷ đồng.

Nguồn lực được ưu tiên đầu tư theo nguyên tắc tập trung, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm mỗi xã điểm được đầu tư toàn diện theo các nhóm nhiệm vụ của Đề án; tạo sự chuyển biến rõ nét về phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, cải thiện môi trường sống, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực quản trị ở cơ sở và củng cố quốc phòng, an ninh. Đồng thời, ưu tiên xây dựng các mô hình phát triển tiêu biểu, có khả năng tổng kết, đánh giá và nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh sau năm 2030.

Việc huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật; thực hiện công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên đầu tư các công trình, dự án và mô hình có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển lâu dài và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Việc bố trí kinh phí thực hiện Đề án được thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, bảo đảm tập trung, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện Đề án

Nguồn vốn thực hiện Đề án được huy động từ các nguồn vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật, trong đó ngân sách tỉnh giữ vai trò định hướng, hỗ trợ và tạo động lực; đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội theo phương châm “Nhà nước hỗ trợ, Nhân dân là chủ thể, doanh nghiệp cùng tham gia”.

Cơ cấu nguồn vốn dự kiến như sau:

Nguồn vốn huy động tại địa phương: Khoảng 3.000 tỷ đồng (chiếm khoảng 60% tổng nguồn lực), bao gồm nguồn lực của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội; nguồn xã hội hóa, viện trợ, tài trợ; đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và một phần ngân sách cấp xã theo khả năng cân đối của từng địa phương.

Ngân sách tỉnh: Khoảng 2.000 tỷ đồng (chiếm khoảng 40% tổng nguồn lực), bao gồm vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp và các nguồn ngân sách hợp pháp khác do tỉnh quản lý, được bố trí bổ sung để thực hiện Đề án, ngoài nguồn lực đã được bố trí thực hiện Đề án “Hỗ trợ các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030”, bình quân khoảng 200 tỷ đồng/xã điểm trong giai đoạn 2026-2030.

Việc huy động các nguồn lực ngoài ngân sách được thực hiện trên cơ sở tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, chế biến, thương mại, dịch vụ, du lịch cộng đồng; bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa; xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển cộng đồng. Việc huy động bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không mang tính bắt buộc hoặc vượt quá khả năng đóng góp của người dân, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương và đúng quy định của pháp luật.

3. Phân kỳ đầu tư thực hiện Đề án

a) Giai đoạn 2026-2027

Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách; ban hành kế hoạch triển khai và các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xã điểm, cơ chế kiểm tra, giám sát và hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

Ưu tiên đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu; xây dựng và triển khai các mô hình phát triển kinh tế xanh, sinh kế bền vững; chỉnh trang khu dân cư, cải thiện cảnh quan và môi trường sống; đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế và hạ tầng số; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm thay đổi nhận thức, nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở; phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc tôn giáo và xây dựng các mô hình điểm phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

b) Giai đoạn 2028-2029

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các công trình, dự án; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả các mô hình đã triển khai; thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất; bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng và xây dựng nông thôn mới.

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, an sinh xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; củng cố hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong quản lý, vận hành, bảo vệ các công trình, duy trì các mô hình phát triển và từng bước hình thành cơ chế tự quản, tự duy trì kết quả sau đầu tư, phấn đấu cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án.

c) Năm 2030

Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án; tổ chức đánh giá toàn diện kết quả thực hiện đối với từng xã điểm và toàn tỉnh; hoàn thiện các tiêu chí xây dựng xã điểm “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc”; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư.

Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống tài liệu hướng dẫn, tổng kết các mô hình, cách làm hay, sáng tạo; đề xuất cơ chế, chính sách để nhân rộng các mô hình hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, chuyển dần từ cơ chế hỗ trợ trực tiếp sang cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để các xã điểm chủ động huy động nguồn lực, duy trì và phát huy bền vững các kết quả đã đạt được, tạo sức lan tỏa đến các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

4. Nguyên tắc phân bổ và sử dụng nguồn lực

Việc phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Đề án phải bảo đảm tập trung, đồng bộ, công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng quy

định của pháp luật và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ; gắn với mục tiêu, chỉ tiêu, tiến độ thực hiện Đề án và hiệu quả đầu tư.

Đề án không bố trí nguồn lực để đầu tư trùng lặp đối với các công trình, hạng mục đã được đầu tư hoặc đã được bố trí vốn từ Đề án hỗ trợ các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030 và các chương trình, dự án khác. Nguồn lực của Đề án tập trung hỗ trợ các nội dung đặc thù, tạo điểm nhấn, phát huy lợi thế của từng địa phương, góp phần hình thành mô hình xã điểm có khả năng lan tỏa và nhân rộng.

Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ, công trình, dự án và mô hình có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chuyển đổi số và bảo vệ môi trường. Đồng thời, ưu tiên các địa phương có quyết tâm chính trị cao, xây dựng kế hoạch triển khai khả thi, huy động hiệu quả sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên quan; khuyến khích lồng ghép, huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và tính bền vững của Đề án.

Việc phân bổ nguồn lực giữa các nhóm nhiệm vụ được thực hiện theo định hướng, có thể điều chỉnh phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn, cụ thể:

TT	Nhóm nhiệm vụ	Tỷ lệ dự kiến	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Phát triển kinh tế xanh, sinh kế bền vững	30%	1.500
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu	40%	2.000
3	Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục, y tế, chuyển đổi số, xây dựng đời sống văn minh	10%	500
4	Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, phát triển du lịch cộng đồng	10%	500
5	Tuyên truyền, đào tạo, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, củng cố quốc phòng, an ninh, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và các nhiệm vụ khác	10%	500
	Tổng cộng	100%	5.000

Bên cạnh việc phân bổ theo nhóm nhiệm vụ, nguồn lực của Đề án được phân bổ theo hai cấp nhằm bảo đảm tính chủ động của địa phương và hiệu quả điều hành thống nhất của tỉnh. Dự kiến, khoảng 90% tổng nguồn lực được phân bổ cho các xã điểm để thực hiện các công trình, dự án và mô hình theo Đề án; khoảng 10% tổng nguồn lực được bố trí cho các nhiệm vụ cấp tỉnh và liên xã như đào tạo, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển các mô hình điểm, kiểm tra, giám sát, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, bảo tồn văn hóa, truyền thông và các nhiệm vụ quản lý, điều phối chung của Đề án.

Việc phân bổ cụ thể cho từng địa phương, từng dự án và từng năm được thực hiện trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, tiến độ triển khai, kết quả thực hiện, hiệu quả đầu tư và các tiêu chí phân bổ do cấp có thẩm quyền quyết định; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

PHẦN VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Là cơ quan thường trực Đề án, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án; xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm và từng giai đoạn; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và kịp thời tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết năm 2028, tổng kết năm 2030.

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá xã điểm theo định hướng “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc” trong giai đoạn đầu triển khai Đề án, làm cơ sở để các địa phương tổ chức thực hiện; theo dõi, đánh giá kết quả và nhân rộng mô hình; hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện; phối hợp lồng ghép các chương trình, dự án, huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Đề án.

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức, nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số; phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Đề án.

2. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương theo khả năng cân đối ngân sách và kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm để thực hiện Đề án.

Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định; phối hợp kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn; tham mưu huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách để thực hiện Đề án.

3. Sở Xây dựng

Chủ trì hướng dẫn quy hoạch xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn theo định hướng “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc”; hướng dẫn xây dựng các tuyến đường kiểu mẫu, phát triển cây xanh, hệ thống chiếu sáng và cảnh quan thôn, buôn.

Hướng dẫn xây dựng nhà ở, công trình công cộng và thiết chế văn hóa bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan và bản sắc văn hóa của từng địa phương.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì hướng dẫn phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế dưới tán rừng; xây dựng vùng sản xuất tập trung, liên kết chuỗi giá trị, phát triển sản phẩm OCOP và sinh kế bền vững.

Chủ trì hướng dẫn bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, bảo vệ nguồn nước, phát triển cảnh quan xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng các mô hình thôn, buôn “Xanh - Sạch - Đẹp”, khu dân cư kiểu mẫu và chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường.

5. Sở Công Thương

Chủ trì hỗ trợ phát triển thương mại, thương mại điện tử, xúc tiến thương mại, kết nối thị trường; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và chuỗi giá trị sản phẩm.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; hướng dẫn xây dựng môi trường văn hóa, bảo tồn không gian văn hóa thôn, buôn, phục dựng lễ hội, nghề truyền thống và các loại hình văn hóa dân gian.

Hướng dẫn xây dựng, chỉnh trang nhà sinh hoạt cộng đồng phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương; phát triển du lịch cộng đồng, các sản phẩm du lịch văn hóa và xây dựng các mô hình buôn văn hóa tiêu biểu.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất trường học theo quy hoạch.

Chỉ đạo tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh; xây dựng trường học “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”; “Ươm mầm tri thức - Gìn giữ màu xanh - Kiến tạo tương lai”. Phát huy vai trò của nhà trường, gia đình và cộng đồng trong tuyên truyền, vận động học sinh, gia đình tham gia thực hiện các mục tiêu của Đề án.

Giáo dục không chỉ mở cánh cửa tri thức, mà còn mở con đường thoát nghèo, giữ gìn bản sắc và kiến tạo tương lai bền vững cho mỗi buôn làng.

8. Sở Y tế

Chủ trì nâng cao chất lượng y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm; hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về y tế trong Đề án.

Phối hợp tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, xây dựng gia đình khỏe mạnh, nâng cao chất lượng dân số và xây dựng cộng đồng an toàn, “vì sức khỏe cộng đồng - vì tương lai phát triển”.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng các nền tảng số phục vụ quản lý, điều hành, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

Phối hợp hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và nâng cao giá trị sản phẩm.

10. Sở Nội vụ

Chủ trì tham mưu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở.

Chủ trì tham mưu công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất biểu dương các tập thể, cá nhân và cộng đồng tiêu biểu trong thực hiện Đề án.

11. Sở Tư pháp

Chủ trì tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn hòa giải ở cơ sở, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân.

Phối hợp rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến Đề án.

12. Công an tỉnh

Chủ trì bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xã không có tệ nạn xã hội và tội phạm.

Phối hợp triển khai Đề án 06, chuyển đổi số trong quản lý địa bàn; tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, giữ gìn an ninh, trật tự, phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo trong xây dựng thôn, buôn an toàn, đoàn kết và văn minh.

13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn các xã điểm.

Phối hợp thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; tuyên truyền, vận động Nhân dân, phát huy vai trò của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và các lực lượng tại chỗ trong giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ địa bàn và tham gia thực hiện Đề án.

14. Ủy ban nhân dân các xã điểm

Đăng ký và cam kết thực hiện Đề án theo đúng tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; chủ động lồng ghép các chương trình, dự án, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong quá trình thực hiện.

Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các tiêu chí về xây dựng nếp sống “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc”; phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng đời sống văn minh, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện Đề án; kịp thời biểu dương, khen thưởng hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, vận động cộng đồng cùng tham gia xây dựng các xã điểm “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Bản sắc”.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua, cuộc vận động gắn với nội dung của Đề án; huy động các nguồn lực xã hội hóa, phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

16. Cơ chế phối hợp thực hiện

Trong quá trình triển khai Đề án, UBND các xã điểm chủ động trao đổi, đề xuất các nội dung cần hướng dẫn, hỗ trợ theo từng lĩnh vực; các sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ trao đổi thông tin, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh./.